

ĐC

100

TRỌNG VĂN

DÂN CA
HÁT DẬM
HÀ NAM

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Hát Dặm Quyển Sơn là một loại hình dân ca riêng biệt của Hà Nam. Đây là một hình thức ca múa nhạc phục vụ cho lễ hội có từ thời Lý. Vào năm 1069 (Kỷ Dậu) Lý Thường Kiệt sau khi thắng Chiêm Thành trở về trú quân ở Quyển Sơn, Người cho mở hội mừng chiến thắng. Những cô gái thanh tân múa hát ca ngợi chiến công đánh giặc giữ nước, ca ngợi quê hương đất nước và sau này phát triển thêm cả việc truyền tụng những kinh nghiệm sản xuất, chăn nuôi.

Sau khi thắng Chiêm Thành, có thể Lý Thường Kiệt đã mang theo về cả vũ nữ và nô lệ miền trong, vì vậy mà giai điệu hát dặm có những nét văn hóa Chăm.

Lễ hội đền Trúc Quyển Sơn hàng năm được tổ chức từ ngày 10 tháng giêng đến 10 tháng hai âm lịch hàng năm. Nơi đây phong cảnh hữu tình. Đền Trúc ẩn mình trong rừng trúc vàng tươi. Giữa một vùng đồng bằng, bên cạnh con sông Đáy nước trong veo hiền hòa uốn lượn. Bên cạnh núi Cấm mà xưa kia đã từng nổi tiếng, vì ở đây có loại cỏ Thi chữa bệnh, là ngôi đền thờ Lý Thường Kiệt. Ngôi đền nhỏ xinh nơi đây hàng năm, đã lưu truyền các làn điệu dân ca hát Dặm, nói đúng ra múa hát Dặm (vì vừa hát, vừa múa bằng quạt, bằng tay và chân dặm nhịp).

Phường Dặm có từ 16 đến 20 cô và có thể hơn nữa, là những cô gái chưa chồng được chọn trong làng, do một cụ trùm đảm nhiệm việc dạy hát, dạy múa.

Hát Dậm đến nay sưu tầm có trên 50 điệu khác nhau. Đương thời nhạc sĩ Bùi Đình Thảo đã nghiên cứu và ghi lại thành bản nhạc trên 30 điệu. Nhưng tiếc thay khi nhạc sĩ Bùi Đình Thảo qua đời, bản thảo không tìm thấy một chương vì vậy chưa xuất bản được. Việc nghiên cứu dân ca hát dậm Hà Nam không chỉ có nhạc sĩ Bùi Đình Thảo mà còn nhiều nhà nghiên cứu sưu tầm trong và ngoài tỉnh. Vừa qua, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nam nhận được công trình "Dân ca hát Dậm Hà Nam" của Trọng Văn. Ông là người dân chính gốc của làng Quyển Sơn, ông đã có nhiều công trình nghiên cứu sưu tầm được xuất bản; Ông đã mất và công trình này chưa kịp được xuất bản. Con trai ông đang công tác tại Văn phòng Quốc hội đã chuyển cho Sở chúng tôi tập bản thảo đã được chỉnh lý hoàn chỉnh. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nam xin được giới thiệu với bạn đọc.

Dân ca Hà Nam nói chung, hát Dậm Quyển Sơn nói riêng đang được nhân dân trong tỉnh khai thác và làm sống lại. Trên sân khấu không chuyên, sân khấu chuyên nghiệp, những làn điệu dân ca hát Dậm đã và đang in đậm vào tình cảm người Hà Nam và giới nghiên cứu âm nhạc cho đây là một sự phát hiện mới.

Làm giàu có, đậm đà bản sắc văn hóa quê hương là trách nhiệm của chúng ta. Hát Dậm có trở thành sắc thái văn nghệ, văn hóa riêng của vùng Hà Nam hay không tùy thuộc vào mỗi người con quê hương Hà Nam và những nhà nghiên cứu âm nhạc đầy tâm huyết. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nam mong được nhiều ý kiến đóng góp của độc giả gần xa.

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NAM

PHẦN THỨ NHẤT

NGUỒN GỐC VÀ TỔ CHỨC HÁT DẶM

A - NGUỒN GỐC

Ngày xưa quê hương của dân ca Hát Dặm Hà Nam có tên là làng Canh Dịch (làm ruộng), nay là thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, cách Thị xã Phủ Lý 7 km, theo đường số 21 từ Phủ Lý đi Chi Nê (Hòa Bình).

Đầu làng Quyển Sơn có một quả núi gọi là Thi Sơn hoặc núi Cấm. Tục truyền trên núi này có cỏ Thi, một thứ cỏ quý. Ở đây phong cảnh rất ngoạn mục : có núi, có sông, có đền, có chùa, cỏ cây tươi tốt, gần bên có dãy núi đá vôi 99 ngọn, chạy dài xuống phía nam và dãy cũng là một cửa ngõ của đồng bằng đi vào vùng núi non trùng điệp của huyện Lạc Thủy (Hòa Bình). Xưa chúa Trịnh Sâm (Tĩnh đô vương) đi qua làng này có vịnh thơ :

Thiều đệ giang thiên nhất phiến phàm

Quyển Sơn đối hạc ngạn chi nam

Giao phân phượng xỉ vân bình trī

Cận hám giao cư, nguyệt kính hàm

Chấm nghiêng thôn thiềm, thành trúc hộ

Thê diên tiểu kính tử hà giam

Nhàn lai tế nhận than châu sự
Dục bả thanh tuyền nhất tẩy tham ⁽¹⁾

Dịch nghĩa :

Một cánh buồm đi tới chỗ sóng xa
Núi Quyển Sơn đối ngạn ở phía nam chỗ thuyền đậu
Đứng xa trông ngọn núi cao, xòe ra hai bên như
cánh chim phượng.

Đến gần nom thấy bóng trăng chiếu vào dòng
nước chỗ con giao long ở.

Mái nhà tranh cho thôn dân gói vào cạnh núi,
chung quanh có những cây tre xanh bao bọc.

Đường đi tắt của người kiếm củi leo lên ngọn núi
có rắng sắc tía trên trời in vào.

Trong lúc thư nhàn nhân xét việc người đi tìm
ngọc châu ngày trước.

Muốn đem nước suối trong để rửa sạch lòng tham
của người đời.

Tạm dịch thơ :

Xa chơi sông núi mảnh buồm
Quyển Sơn đối giáp ngàn năm chốn này
Ngửa trông phượng cất bình mây
Gần trông rồng ở trắng đầy ngậm gương

(1) Theo "Lịch triều hiến chương loại chí" của Phan Huy Chú, tập 1, trang 78, NXB Sử học, Hà Nội, 1960.

Thôn lư gối núi trúc giăng

Tiêu phu đường trải non thang giáng lồng

Suy bàn tìm ngọc gia công

Muốn đem nước sạch rửa lòng tham đi ⁽²⁾

(Bản dịch này đăng trên tạp chí Tri tân)

Ở chân núi Thi, về phía Đông Bắc có một ngôi đền thờ vị thần sắc phong “Lạc thiên tôn mệnh, Thái Sơn phủ quân, cao thiên đại vương, dực bảo trung hưng, thượng đẳng thần, gia tặng tôn mệnh, đoan túc dực bảo, trung hưng tôn thần” nghĩa là “Mệnh cao trên trời, đức vua núi Thái Sơn, vua lớn núi cao, phù giúp cao quý cho việc trung hưng, vị thần thượng đẳng, tặng thêm mệnh quý, trang nghiêm phù giúp cao quý, vị thần có công trung hưng”

Theo truyền thuyết, vị thần này sinh triều đại nhà Lý, đã lập được nhiều chiến công lớn khi đánh Chiêm Thành (Chăm pa) và đánh quân Tống. Ngài là một hoạn quan, văn võ toàn tài.

Trong dân ca hát Dặm Quyển Sơn có những câu như :

- “Là cất quân đi đánh Chiêm Thành (khoan khoan a xá hồ khoan). Bắt được tướng nó giao binh khai hoàn (hồ vậy, dô vậy, dô là)

(2) Câu này do sự tích một người mò ngọc trai ở sông Đáy, cuối chân núi Cẩm, lặn xuống rồi không lên được.

- “Đẹp hết man mọi gần xa (khoan khoan ta xá hồ khoan). Thu về một nhà bốn bể láng láng (hồ vậy, dô vậy, dô là)

- (Là) sang đến bến Ngô⁽³⁾

Bên ta đánh đã được giặc.

Đẹp đã được giặc

Đánh đã lai hàng.

(Là) anh đẩy thuyền về.

Bách chiến, (σ) bách thắng”

Ngoài đền này ra, dân làng còn thờ ngài ở một ngôi đền rất lớn giữa làng. Trong thời kỳ địch tạm chiếm (1950 - 1954) giặc Pháp đóng ở bốt Quế (bên kia sông Đáy) kéo sang đốt sạch đình này. Một cụ già trong làng, nay còn nhớ được một vế câu đối trong nhiều câu đối khác ở đình này là : “Bình Tống, phạt Chiêm, hùng lược huân danh thù quốc sử” (đẹp giặc Tống, trị tội Chiêm Thành, mưu lược anh hùng, chiến công nổi tiếng rủ đây sử nước).

Chúng ta đều biết triều đại lập được chiến công hiển hách trên là nhà Lý và tướng cầm quân anh dũng ấy chắc không có người nào ngoài Lý Thường Kiệt. Vậy vị thần thờ ở Quyển Sơn sắc phong có diệu huệ mà không

(3) Thời Tam Quốc (Nguy, Thục, Ngô), nước ta lệ thuộc nhà Ngô, sau ta gọi “Ngô” là để chỉ phương bắc. “Ngô” ở đoạn này là nói về đất đai của nhà Tống.

có tên húy, phải chăng là nhà quân sự kiệt xuất Lý Thường Kiệt có tài thao lược lỗi lạc kết hợp với tài chính trị và ngoại giao xuất sắc (4).

Vấn theo truyền thuyết : khi đem quân đi đánh Chiêm Thành, Lý Thường Kiệt có dừng lại và đóng quân ở Quyển Sơn một đêm. Ngài nằm mộng thấy hai người (một mẹ và một con gái), xưng là thần ở vùng này và nói với ngài rằng : “Tướng quân đi đánh trận chuyển này, nếu gặp khó khăn gì, mẹ con tôi sẽ giúp, sau này phú quý cho mẹ con tôi cùng hưởng chung”.

Quả nhiên ngài đi đánh trận thắng lớn. Khi về ngài lại đến Quyển Sơn, thấy một ngôi đền thờ một vị hoàng hậu và một vị công chúa không biết về đời nào, ngài liền lập ngay trang trại ở gần ngôi đền ấy để làm nơi tĩnh sĩ (nghỉ ngơi).

Rồi năm nào ngài cũng cho dân làng mở hội để kỷ niệm những công trạng của ngài vào 2 ngày đã thắng trận lớn: Mồng 5 tháng 2 và mồng 2 tháng 5 (âm lịch). Nhân dân Quyển Sơn vẫn lấy hai ngày đó làm ngày tế thần (đại kỳ phúc). Trong khi dân làng hội hè, ngài cho hát những câu mà ngài đặt ra hoặc của người đương thời sáng tác, tức là Dân ca hát Dặm

(4) Người Việt Nam ta có thói kiêng tên húy, nhất là tên thần, tên thánh, tên các vua chúa, quan chức... Trong các giấy tờ hành chính cũng vậy, ví dụ : Nam Định tỉnh, tổng đốc Nguyễn đại nhân,

Quyển Sơn. Khi ngài mất, dân làng thờ ngài làm thành hoàng và thờ chung với hai vị hoàng thái hậu và hoàng công chúa.⁽⁵⁾

Hàng năm trong hai kỳ cúng tế này, kỳ tháng 2 là long trọng hơn, từ mồng 1 đến mồng 6 dân làng vào đám, ngoài việc rước sách, cúng tế như các làng khác, người ta chú trọng đặc biệt nhất là hát Dặm, múa Dặm và bơi chải. Ca dao Quyển Sơn có câu :

“Quyển Sơn vui thú nhất đời

Đốc lòng trên Dặm, dưới bơi ta về

Đôi bên núi tựa sông kề

Ngược xuôi tiện nẻo, lăm nghề làm ăn

Dân ca hát Dặm có những điệu múa và bài hát chủ yếu nói về sản xuất và chiến đấu; cày bừa, cấy hái, trồng dâu chăn tằm, ương tơ, dệt vải, tương tự chông đi xa đánh giặc, phát đường cho quân chày, đóng quân lập bếp, làm súng đạn, chèo thuyền cho quân đi đánh Chiêm Thành, đẩy xe, đẩy thuyền khi thắng trận trở về, hát mừng chiến thắng, hành tiệc bách quan...

Trong lời ca hát Dặm có một số tiếng cổ, ngày nay kê cứu còn cần phải có nhiều thời gian như : “lậu tấu” trong câu : “Thêu gấm mà xem lậu tấu mới đẩy lên khung” ; “sấm liễu” trong câu : “Sấm liễu ra ngoài rằm rắp (ơ) tao

(5) Hiện nay đền thờ có 3 pho tượng (1 nam, 2 nữ). Theo đơn xin phong sắc (còn bản lưu) nhân dịp Khải Định làm lễ thọ 40 tuổi (tứ tuần dạ khánh) vào tháng 9-1924) dân làng xin phong cho 2 âm

khang” ; “Sấm hải, hê đôi hê còi” trong câu : “Là sấm hải nhiều phen là loan phượng”...

Hát Dặm Quyển Sơn có những “tiếng đưa hơi” ; tiếng đệm khác hẳn với một số dân ca khác như ; “Là ấy chàng ối dā”, “là hời la lết, la lết lê la, là lại hời la”, “Hời ơ, ơ dả ở lành là ơ, ơ hời ở lành là ơ”. “nê nê na na sê”, “cái rộng tang tính, ta lính tình tang, ta lang tang tình”...

Dân ca hát Dặm có điệu múa chèo thuyền là mềm mại, giống các động tác của những người chèo thuyền, có cách điệu hóa. Nó có phần nào giống các điệu múa của Ấn Độ, Cam-pu-chia, Lào, rõ nét nhất là điệu múa vãn : quay người nhún nhảy, hai tay cong, vất lên, vất xuống... Thêm vào điệu múa này là hát vãn, lời ca lại là bài “trừ khi” của ả đào vãn hát theo điệu “dịp ba cung bắc”, không có múa, hát Dặm lại hát ra một điệu khác.

Hát Dặm có một số bài “hát ngâm” đượm màu sắc buồn buồn. Ngoài ra, khi xem xét các tiết tấu, lời ca, tiếng đưa hơi, tiếng cổ, điệu múa của hát Dặm, với các sử liệu hiện có, ta có thể nhận định hát Dặm Quyển Sơn có phần nào chịu ảnh hưởng của nền ca vũ nhạc Chiêm Thành và thuộc vào những nhạc khúc mới (thời Lý), gọi là “Chiêm Thành âm”. Ngược chiều thời gian, chúng ta thấy ở thời Lý “ngoài những nhạc điệu dân tộc, cuối thời Lý, các nhạc công ở triều đình lại phỏng theo điệu nhạc Chiêm Thành mà đặt ra những khúc.

“Chiêm Thành âm” (điệu hát Chiêm Thành)⁽⁶⁾ “giọng sâu oán, nã ùng, ai nghe cũng rõ nước mắt”⁽⁷⁾.

Nghệ thuật thời Lý có tiếp thu một số ảnh hưởng nước ngoài như Cham-pa, Trung Quốc. Ca hát, nhảy múa vẫn là những sinh hoạt văn nghệ phổ cập trong nhân dân. Sau khi thắng Chiêm Thành, vua nhà Lý có đưa về Việt Nam nhiều cung nữ, nghệ sĩ giỏi múa hát và thợ khéo người Chiêm Thành. Những nghệ sĩ này đã cống hiến nhiều âm thanh và nét nhạc mới cho những điệu hát mà ta sẵn có.

Như ta đã biết Lý Thường Kiệt không những giỏi về võ mà giỏi cả về văn (bài thơ bất hủ “Nam quốc sơn hà” của ông được ghi vào lịch sử như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta). Vì vậy, nếu nói dân ca hát Dặm Quyển Sơn là do ngài làm ra và các người đương thời soạn ra là có cơ sở. Chúng tôi cho rằng hát Dặm có thể phát sinh từ thế kỷ XI - XIII (triều đại nhà Lý từ 1009 - 1225).

Hát Dặm có 21 làn điệu (không kể 2 làn điệu thêm), riêng 7 làn điệu cuối, từ bài “Hóa sắc” trở xuống, có thể là đời sau soạn tiếp vào khoảng thế kỷ XV - XVI, bởi mấy lý do sau :

(6) Theo “Lịch sử thủ đô Hà Nội”, Trần Huy Liệu chủ biên, NXB Sử học, Hà Nội, 1960, trang 51.

(7) Theo “Việt sử thông giám cương mục”, tập 4, trang 376, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội 1957.

1. 14 điệu phần trên, lời rất mộc mạc, như : “No lòng lại nhớ đến (mà) con trâu, nhuộm bằng say rượu là thời âu đi cày”. 7 điệu phần dưới, lời ca rất vui vẻ, chải chuốt nhất là mấy bài giống vãn, múa vãn và nhiều khúc trong điệu bỏ bộ.

2. Về sản xuất nông nghiệp và chăn tằm thì lặp lại phần trước. Ví dụ : Khúc hát về chăn tằm, chỉ nói một cách sơ sài, chứ không diễn tả kỹ lưỡng như bài chăn tằm ở phần trên : thời gian nào mua giống, mấy ngày tằm sẽ nở, cách cho ăn lúc tằm nhỏ, cách để tằm, cách cho ăn lúc tằm lớn, bắt đầu chín, bỏ né, nhật kén, cách ươm tơ, quay tơ...!

3. Ở điệu múa hương có : “Đệ tử đi thi cho tôi làm lễ vinh quy rước hồi hương”. Ở điệu dâng hương có câu : “Vãn thời thi đỗ tam khôi”. Có thể những điệu này được soạn ra vào đời nhà Trần và đời nhà Lê, vì rằng đời Trần muốn đề cao nho sĩ mới đặt thêm danh hiệu tam khôi (gồm 3 học vị : Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), dành riêng cho 3 người đỗ xuất sắc nhất trong các kỳ thi đình và đời Lê đặt ra lễ vinh quy (lễ rước đón người đỗ về làng). Mặt khác, xem ra nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, không lẽ lại tiếp tục ca tụng những chiến công của vua tôi nhà Lý. Hơn nữa, lời ca của những bài hát cuối này rất trau chuốt, hợp với lời trong nhiều bài thơ làm trong đời nhà Lê hơn. Cho nên có thể nói được rằng phần cuối của dân ca hát Dặm

được soạn thêm vào đời Hậu Lê (1428 - 1527) cũng vẫn theo điệu “Chiêm Thành âm”, kể cả múa và hát.

B - TỔ CHỨC HÁT DẶM

Chỉ ở làng Quyển Sơn mới có hát Dặm, khi hát có kèm theo múa. Về nhạc cụ có một cái xênh, do bà trùm gõ làm nhịp (trừ lúc chẩy quân mới có thêm 2 cái trống con đánh khi diễu quân mà thôi). Thời gian học hát và hát từ mồng 10 tháng giêng đến mồng 10 tháng hai (âm lịch), bao nhiêu con gái tân (chưa chồng) trong làng từ 10 tuổi đến 21, 22 tối tối ra đình tập hát múa, do bà trùm dạy. Bà trùm phải là người thuộc hết các bài hát dân ca hát Dặm, có giọng hát hay và múa khéo.

Từ mồng 1 đến mồng 6 tháng 2, họ phải ở luôn ngoài đình ban ngày. Trong khi quan viên tế thần, họ theo xen kẽ với quan viên hành lễ, đi lên đi xuống, vừa múa vừa hát như múa bài bông. Buổi tối, mãi khuya, các cô gái còn ở đình để hát. Những ngày này các cô ăn mặc những quần áo đẹp tự có hay mượn của người khác. Ngoài ra, làng còn cho mỗi người mượn một cái mũ có gắn những bông hoa xanh, đỏ, vàng, trắng óng ánh như mũ của những người hát chèo mà làng đã lấy tiền công để mua sắm.

Xưa mỗi năm dân làng để cho bà trùm cây cấy độ 2 hay 3 sào ruộng (1 sào Bắc bộ bằng 360 m²), hoặc được hưởng mười quan tiền, đến cải lương hương chính vào khoảng 1927 được ba, bốn đồng bạc. Con gái hát

không được hưởng gì cả, họ còn phải đóng góp tiền trầu hương để cho sái từ khắp đốt những buổi hát. Thường cứ đến ngày 30 tháng giêng ta, họ còn đóng thêm tiền, mỗi người hai, ba hào để làm lễ thần và đem về nhà bà trùm cùng nhau liên hoan.

Hát Dặm có nhiều điệu được chép thành một quyển sách bằng chữ Nôm, đời này qua đời khác, quyển này sắp nát lại sao chép sang quyển khác. Còn múa và hát ở nhà, người già truyền cho người trẻ cũng như “con nhà thợ xẻ, chua đẻ đã biết kéo cưa”. Nói như vậy là rất đúng với thời trước. Còn từ Tổng khởi nghĩa 8-1945 đến nay không thể nữa.

Quyển sách hát nói trên có tên là “Lý đại vương bình Chiêm, sự tích diễn ca”. Sách viết không có chấm câu, không có đề mục, không viết hoặc viết rất ít tiếng “dua hơi”. Mà chữ Nôm thì mỗi người viết mỗi khác, mỗi người đọc mỗi khác. Ví dụ trong hát Dặm, câu “Đi lên nẻo núi chặt xoan”, có người đã phiên âm thành “đi lên nẻo núi đốn xuân”⁽⁸⁾ và “Nhất trai, nhì gái” thành “Một trai, hai gái”. Không những thế còn chấm câu sai, câu hát sẽ thành vô nghĩa. Hát Dặm được truyền từ đời này sang đời khác, theo lối truyền miệng, tránh sao được những sai lầm không chính xác. Câu hát : “Chúng tôi thua vậy (là) quốc tộ bình thì” (ngôi báu của nước được thời thái bình thịnh trị), có người hát sai là :

(8) Chữ “đốn” đọc là chặt, chữ “xuân” đọc là soan, cũng có thể đọc là “đốn xuân”.

“Chúng tôi thua vậy (là) quốc đờ Bính Thìn. Câu :
“Mặt Thuấn hây hây. Mây Nghiêu lồ lộ” (Mặt mây
phương trượng như vua Thuấn, vua Nghiêu) lại hát ra
là : “Má phấn hây hây. Mây kiêu lồ lộ”. Có người
nghiên cứu đã đưa vào hát Dặm cả bài không phải của
nó, như một trong hai bài ca trù (hát ả đào) nói về
phong cảnh làng Quyển Sơn (xem “Hợp tuyển văn học
dân gian Việt Nam”, NXB Văn học, 1972, trang 353).

PHẦN THỨ HAI

Ý NGHĨA NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA HÁT DẶM

1. Hiện thực của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc:

Ở đời Lý, nhân dân ta đã đồng tâm nhất trí, một
lòng một dạ, kiên quyết đánh thắng quân xâm lược
phương bắc, phá tan âm mưu câu kết của phong kiến
Chăm-pa với phong kiến Tống, nhằm tiêu diệt nước ta.
Ở tiền tuyến, tướng sĩ đồng cam cộng khổ, nằm gai
nếm mật ra sức giết giặc. Ở hậu phương ai nấy đều tích
cực đóng góp tiền của, nhân tài vật lực cho cuộc kháng
chiến. Dân ca hát Dặm Quyển Sơn đã phản ánh được
phần nào về hiện thực hào hùng này của dân tộc ta.

THU - VIỆT
TỈNH HÀ NAM



a) Hình ảnh người lính chiến :

Kể làm sao cho xiết những nỗi gian nan, vất vả của người chiến sĩ ngoài mặt trận : “Cha hời, cha hời, chinh tấu (ấy) cùng tai ương chẳng có nề (la hời, la lết, la lết lê la là lai hời la).

Nhiều đêm anh chiến sĩ không được ngủ, có lệnh là ra đi ngay : “Đã lấy thuyền về, nhận kia đặng đặng bằng mua đứt nổi, bản khoản chẳng nằm, cao thấp chuyển đạt đủ tiếng, tiếng cao, tiếng thấp, có tiếng gọi người ra đi. Ra đi gánh gắp, vốn những dài nắng đầu sương, là đêm ta chẳng được nằm ra đi”.

Những công việc của người lính ở ngoài mặt trận cũng hết sức vất vả như việc đóng trại, lập bếp : “Yên cờ là cờ yên ⁽⁹⁾, phương có đại, tiểu, trung nhân ⁽¹⁰⁾ là ngô phương (ơ) yên cờ”, “Yên táo ⁽¹¹⁾ là yên táo, quân có đại, tiểu, trung nhân (ấy) là tam tuần yên táo”.

Quân đội lúc bấy giờ có 2 cách đi : thủy và bộ. Thủy thì đẩy thuyền và chèo thuyền : “Đẩy thuyền ta xá chèo thuyền. Năm ba mái xem thuyền (ấy) nhẹ chãng. Sào kia chặt đất khăng khăng. Ta xá giổ đằm giổ lấy (ấy) sào lên (hò vậ dô vậ dô là).

(9) Yên cờ : đóng cờ, cờ yên tức kỳ yên = cầu bình an.

(10) Đại, tiểu, trung nhân : người lớn, nhỏ và vừa.

(11) Yên táo : đóng bếp, lập bếp trong đồn quân.

Bộ thì đẩy xe : “(Là) đẩy (ơ) đẩy xe (là) đẩy xe về.
Ta (là ta) xá ra về. (Là) về đến quê cũ...

b) Tuổi trẻ náo nức tòng quân giết giặc :

Khi Tổ quốc bị xâm lăng, tuổi trẻ càng ý thức được nghĩa vụ phải lên đường bảo vệ non sông bờ cõi đất nước của mình. Thanh niên trai tráng khỏi phải nói, đến cả con một, chưa lấy vợ, nhà nghèo cũng tình nguyện ra đi. Không những thế, anh lại còn nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật và hăng hái đánh giặc.

Khi thắng trận rồi mới xin phép về thăm nhà :

*“Quỹ lay triềng bầy trước mặt tướng quân (hồ vậy,
dô vậy, dô là)*

*Tôi là con nhà khó khăn (khoan khoan ta xá
hồ khoan)*

*Cửa nhà đơn chiếc nhiều phần khá thương (hồ
vậy, dô vậy, dô là)*

*Vợ con chưa có cật nương (khoan khoan ta xá
hồ khoan)*

*Sớm hôm buồn bực những thương là gì (hồ vậy,
dô vậy, dô là)*

*Cả lòng tôi dám xin về (khoan khoan ta xá
hồ khoan)*

*Thăm xem lão mẫu tôi thì lại ra (hồ vậy, dô vậy,
dô là)*

*Việc quan chẳng dám để qua (khoan khoan ta xá
hồ khoan)*

*Trước là tội vạ, sau là lương công (hồ vạ, dô vạ,
dô là)*

c) Về kỹ thuật chiến đấu :

Ngay từ hồi đó, nhân dân ta đã biết làm pháo, làm ống phun lửa (hỏa nổ) những vũ khí có tác dụng quan trọng trong những trận chiến đấu quyết liệt với quân thù. Điệu hát Dặm phong pháo có nhịp mau hối hả. Đầu tiên nói về cách làm pháo để đốt mừng, mừng làng được bình an, mừng nước được vô sự thung dung, mừng thượng tướng anh hùng :

"Nín lặng nghe tôi phong pháo.

Kim tuyến (chỉ vàng) là áo

Bạch chỉ (giấy trắng) ở trong

Cuốn cho trùng trùng điệp điệp"

"Mừng làng mừng nước

Bình yên sức khỏe

Dù già, dù trẻ

Phú quý vinh hoa

Ấy pháo nổ ra

Nghe tôi phong pháo..."

"Luu truyền quốc thế bền lâu

(Là) dầu lòng ⁽¹²⁾ buồn trâu, thả ngựa
Cỡi năm vô sự thung dung
Đích tài thượng tướng anh hùng
(Là) giữ được ở trong phủ đường..."

Rồi đến cách làm ống để đánh giặc ngay trong trận
đầu tiên đúng vào ngày tế thần tháng 2 hàng năm của
làng Quyển Sơn :

"Nín lặng nghe tôi phong ống
Là đức chúa ông
Bắn dây tây đông
Ran trời là tháng hai
Mồng năm, giờ dần"
"Ống bắn thềm thình, giặc phá nổ tan"
" (Là) đã nên quân mạnh, tướng bền
Một mình địch nghìn vô số hà sa..."

Trận đánh thứ hai cũng xảy ra vào ngày tế thần
tháng năm của làng :

"Nín lặng nghe tôi phong ống
Là đức chúa Tây ⁽¹³⁾
Bắn dây ghê thay
Rầm trời là tháng năm..."

(12) Dầu lòng tùy lòng.

(13) Đức chúa Tây : Một tướng bộ hạ của Lý Thường Kiệt.

Trong dân ca hát Dặm có 3 bài thơ về pháo và 1 bài thơ về ống. Bài thơ về ống đã nêu bật được sức mạnh lợi hại của thứ vũ khí này :

Ống là hỏa khí chứa sơn tinh

Đẹp hết bốn bề thấy dã kinh

(Ấy) rày đến đám làng tôi mới đốt

(Ấy) chúc cho làng nước thọ, Khang, Ninh

(Dù là, du hỡi, ấy du là du)

d) Không khí hào hùng khi thắng trận trở về :

Còn gì sung sướng, hào hùng khi đánh thắng giặc, trở về :

*- (Là) cất quân đi đánh (ấy) Chiêm Thành
(khoan khoan ta xá hồ khoan)*

*Bắt được tướng nó giao binh khai hoàn (hò vầy,
dô vầy, dô là)*

*(Là) bắt chèo dạ dạ (ấy) hồ khoan (khoan khoan
ta xá hồ khoan)*

*Bể Đông thẳng tới vừa ban nửa ngày (hò vầy,
dô vầy, dô là)*

- Hồi quân (là) hồi quân ta (là) dã về

Đánh dã được giặc

Đánh dã lai hàng

(Là) anh đẩy (ơ) xe về

** Hình ảnh người phụ nữ ở hậu phương*

Khi chồng ra ngoài mặt trận, người vợ ở nhà đảm đang việc ruộng nương và thu xếp mọi việc trong gia đình, trong làng nước. Đây là nỗi lòng mà cũng là lời cam kết của người ở hậu phương với người ra tiền tuyến :

(Hồi dâ) anh đi hầu xa chớ lo hơn thiệt

Thiếp ở nhà giữ việc làm ăn (σ)

Hoặc anh đi đường xa xứ Bắc, em ở nhà mắc cửi dệt khăn, dệt màu rêu xanh là màu anh vẫn chiều em :

Từ ngày vải cái (vải sợi to) dệt khăn

(Là) mắc cửi hồi vẫn ⁽¹⁴⁾ (σ) dây mảnh

Hầu xá lo ruộm lá rêu xanh

(Là) muốn đẹp lòng anh chiều nàng

Dưới chế độ phong kiến, người đàn ông đi xa thường hay có chuyện vợ nọ con kia, nhưng đàn bà ở nhà vẫn rất mực thủy chung với chồng. Trong lúc đôi tay mắc cửi hay đưa thoi dệt khăn để may áo cho chồng, lòng người vợ không lúc nào người nổi nhớ :

Anh đi đường xa k' ếm chốn (σ)

Thiếp ở nhà lương những tương tư

(14) Mắc cửi hồi vẫn : Lấy ở câu “chức cầm hồi vẫn” của truyện Tô Huệ, đời Đường (Trung Quốc) dệt gấm thêu bài văn để xin vua cho chồng đang đi lính thú nơi xa được về.

(Là) gia cư (ở nhà) tương tư

(Là) tương tư chín đoạn

Một đoạn cũng mắc

Hai đoạn cũng đưa (lên là lên)

(Là) mắc củi (ơ) tương tư

(Là) vãi lùa dày thưa lại đưa go díp

Lấy go thời cho phải díp

Chớ có mắc đôi mắc chùng

Mới rầy lên khung (lê là lê lết)

(Là) mắc củi (ơ) tương tư

(Là) dạ củi (lòng khung củi) tương tư

Tương tư (ơ) chín đoạn

(Là) một đoạn cũng mắc (ơ) củi tương tư..

Trước khi anh chẩy lên Cao Bằng đánh giặc, em đã chuẩn bị sắm sửa các thứ cần thiết chu đáo cho anh. Bao tâm sự em đã gửi vào những vật đơn sơ ấy :

(Là) anh đi mưa nắng dãi dầu (ô hồ dạ vậ)

Cơn bão bùng ai sửa cho anh (ô hồ dạ vậ)

(Là) muối dưa sắm sửa cho dành (ô hồ dạ vậ)

Giã gạo cho trắng để dành mang đi (ô hồ dạ vậ)

Một là sắm mắm (ấy) cho chua (ô hồ dạ vậ)

Hai là tiền gạo chả thua chút nào (ô hồ dạ vậ)

(Là) anh đi tôi may (ấy) mũ đào (ô hồ dạ vậ)

*Trong thời lột sại ⁽¹⁵⁾ ngoài dào tối thay (ô hồ
dạ vậy)*

(Là) phiên chợ mua vải (ấy) cho dày

Kén lấy thợ khéo mà may áo mềm (áo 3 lần vải)...

Buổi chia tay kẻ ở người đi mới cảm động não lòng
làm sao :

“Anh ra đi rày thiệp ở nhà...”

*(Là) lục súc ⁽¹⁶⁾ bốn bề tẩm tức nước mắt mới
nhỏ sa là ruồi ruội”*

*“... (Là) chén rượu cấm phong (dậy kỹ) có chén
bồng lai là tôi vãi (ấy) tôi quy.*

*Tôi quy là tôi hiến (ơ), ta xá (ơ) hiến chơi. Là 3
tuần là rượu chuốc (ơ)... (là hơi lê la lét lên, lê lên là lại
hồi la)*

Và thế là người vợ luôn theo dõi, ngóng trông tin
tức của người thân yêu nhất của mình đang ở ngoài
mặt trận :

*(Là) gửi thư tôi lại (ấy) dặn anh (ô hồ dạ vậy mới
là lên trở về)*

(15) Sại, một thứ tơ lụa kén vóc nhiều, dệt lông chừ nhân dùng
để lát áo, làm khổ (khổ sại).

(16) Lục súc gồm 6 con vật nuôi trong nhà : ngựa, dê, gà,
chó, lợn.

Sức khỏe yên lành là phận an (ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

(Là) từ ngày anh đi việc quan (ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

Những lo đánh giặc nước non nhường nào (ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

(Là) mong chồng như cá mong sao (ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

Rầy trông mai đợi kém phai má hồng (ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

Ngoài ra, người phụ nữ còn tham gia dân công, phát đường, giúp quân đội kéo xe hoặc đẩy thuyền về :

- *(Lên là lên) mỹ nữ đào hoa phải ra đi phát đường*

Phát cho quang (là) hồ kéo xe về

- *(Là) đẩy (ơ) xe đẩy xe*

(Là) ngồi nghe nhạc đoạn

(Là) thuyền lan chèo quế

(Là) chèo ghé một bên

(Là) chèo lên mũi hộ

(Là) mũi hộ lai láng

(Ấy chàng ôi dâ) thiếp đẩy (ơ) xe về

Ngoài công việc đồng áng, tơm tằm, nội trợ, người phụ nữ còn nhiệt tình tham gia văn nghệ. Dân ca hát Dặm Quyển Sơn có câu :

"Mang tiếng lành con gái hây hây

Hay ngâm, hay nga, hay múa hay hát"

2. Công việc sản xuất làm ăn của nhân dân

a) Làm ruộng :

Ngày trước muốn làm ruộng, trước tiên người nông dân phải nghĩ ngay đến sức kéo. Vì vậy họ hết sức chú trọng đến "con trâu là đầu cơ nghiệp" của mình. Sau khi ăn xong là nghĩ đến con trâu : "No lòng lại nhớ (mà) con trâu (ơ). Nhược bằng say rượu là thời âu (ơ) đi cày (hỡi ơ ở lành là ơ).

Lúa chín khi gặt cũng phải xem ngày, được ngày lành thì đi gặt trước hoặc ít hoặc nhiều rồi sau muốn gặt hôm nào cũng được :

- *"Dọn dọn đem để vừa xong*

Mùa đông đã đến

Lúa khắp (ơ) đồng đã chín

Chín đã nhiều thay (ơ)

(Là) lấy (ơ) lúa thời phải xem ngày

Xem được hôm nay là ngày lành

Thìn Tị thanh mình là thuận hòa

b) Chăn tằm, uơm tơ :

Ngoài việc làm đồng áng, những lúc nhàn rỗi (nông nhàn) người ta chăn tằm, uơm tơ :

(Hồi dả) tháng giêng đầu năm

Tháng 3 lấy giống (ơ) mua (ơ) giống

(Là) tằm vàng, tằm trắng, tốt thay"

Giống để từ 3 đến 7 ngày thì tằm nở, lúc này cho tằm ăn bằng lá dâu non, phải dùng dao thật sắc để thái :

"Ngày chẳng bảy thời ba (ơ)

Nhược bằng trứng xám mới nở ra (là) con tằm

(Là) dao sắc tốt để dâu non (ơ) hòa dùng

Tằm là một loại động vật hay bị ruồi nhặng đốt, cho nên phải :

"Cất vào buồng trong tối tằm ⁽¹⁷⁾

Dù (là) nhiều ít (là) xá xăm ⁽¹⁸⁾ (ơ) để ngoài

Cũng như bây giờ người ta phải buồng mùng che quanh đũi tằm hay là che màn các cửa sổ, cửa ra vào của buồng tằm, nhà tằm. Đến cách cho ăn cũng phải cho đủ, chớ để dâu thừa :

"Ăn một thời đến (mà) ăn hai

Ăn (ơ) ba dùng để (là) dâu gai (ơ) còn thừa

(17) Tục ngữ : "Kín như buồng tằm".

(18) Xá xăm : có lẽ là chớ nên.

Thiếu dẫu cũng không được, phải đi hái, cố chăm sóc cho đến khi tầm ăn rồi (là lúc tầm sắp chín) sẽ được nhiều tiền :

“Thiếu dẫu là đi hái (σ)

Thiếu dẫu là đi hái (σ)

Một gái một nương

Tầm rồi dầy nong

Là vô số tiền

Rồi đến khi bắt tầm, bỏ né, nhật kén để cho kén già và mượn thợ ươm tơ, công việc cũng không đơn giản chút nào :

“Bổ tầm là nhật kén (σ)

Bổ tầm là nhật kén (σ)

(Là) vèn vèn chẳng sai

Mượn thợ ươm thao (σ)

(Là) để lấy cho kén già

Thuở ấy trình độ kiến thức khoa học về chăn tầm chưa có là bao, vậy mà kết quả của việc chăn tầm, kể ra cũng lớn :

“Một nong tầm là năm nong kén (σ)

Một nong kén là chín (ấy) nén tơ (hời σ ở dả ở lành là σ), (σ là hời σ ở lành là σ)

Đến cách ươm tơ, kén tốt thì ươm rộng ngay được, kén xấu thì phải kéo tơ ngay, để chậm những con tằm không biến thể thành nhộng được sẽ thối ra, làm hỏng cả tơ kén :

"(Hồi dâ) kén chắc lồi rộng môi thao ⁽¹⁹⁾

Nhược bằng kén ép (là) lồi thao chớ chầy"

Quay tơ là một công việc rất nặng nhọc thường để dành cho thanh niên thay đổi nhau mà làm :

"Quay guồng trai gái đổi thay

Nhược bằng guồng nặng là chao tay chớ rời

(Hồi ơ ở lành là ơ, ơ dâ hơi ơ, ở lành là ơ)

Chúa trai quay guồng nhọc thay

Nào là chúa gái (là) ra tay (ơ) là đỡ chàng

(Hồi ơ ở lành là ơ, ơ dâ hơi ơ, ở lành là ơ)

c) Trình độ làm ruộng, nghề thủ công đã phát triển :

Qua dân ca hát Dặm, ta được biết thời ấy nước ta đã có giống lúa gié, lúa nếp giang và lúa thông cấy ở cánh cao :

- Vàng mây là lúa gié (ơ)

Vàng mây là lúa gié (ơ)

(Là) gié mạ nếp giang

- Lúa thông đồng cao (ơ)

(Là) dâ (ơ) có chõ...

(19) Thao : tơ (rủ thao, nón thúng quai thao).

Kỹ thuật cày cấy hồi đó là học kinh nghiệm cổ truyền :

Cấy ra (là) thì tốt (σ)

(Là) chẳng một ruộng sâu

Sâu con như nhau (là) khắp đồng

Học phép thần nông canh chủng (trồng trọt) (σ)

Ruộng (σ) trũng cấy thưa

(Ấy là) lúa đã phải mưa xanh là rờ rờ

Bên cạnh nghề làm ruộng, nghề chăn tằm ươm tơ cũng rất thịnh. Nhờ tiền bán tơ tằm mà nông dân tậu được trâu, được bò. Trong điệu “Hóa sắc” (đốt sắc bùa cầu thần phủ thủy) đã nói lên điều đó :

Hóa sắc, hóa sắc

Tằm dâu tằm đến

Tằm bến tằm lên

Đôi bên rờ rờ

Mở cửa tằm vào

Tơ hào tơ lạng

Tơ bán mua dâu

Tậu trâu, tậu bò

Có kho lúa trăm (mỗi trăm là 4 thúng lúa)

Tháng năm, tháng mười

Nhất trai, nhì gái

Thái thượng lão quân

Thần phù hóa sắc...

Tầm ngày càng có nhiều chủng loại và kỹ thuật chặn tầm thêm tiến bộ :

- *Kẻ thua người bảo :*

Một là kín phòng

Hai là kín gió

Ba là nói khớ

Chẳng ra đến ngoài

Bốn là chắm gai

Mà cài cửa sổ ⁽²⁰⁾

- *Ông ngâm bà ví*

Thái nhỏ li ti

Trộn lẫn với nhau

Ấy bấy nhiêu dâu

Đem vào nhà rắc

Bên cạnh đó, chăn nuôi cũng rất phát triển “nghề nga gà lợn đầy sân”. Các nghề thủ công chế tạo hàng tiêu dùng đua nhau sầm uất :

(20) Chắm gai mà cài cửa sổ : Ngày xưa, nhà có tầm, người ta hay lấy cành gai đeo ở ngoài cửa sổ có ý báo cho mọi người biết, kiêng cử đừng vào nhà.

Nào nón Dầu Khám để đầu

Nào kìm chợ Cầu, nào chỉ Phất Lôi ⁽²¹⁾

3. Những ước mong, những tình cảm lành mạnh của người lao động :

Khi có giặc ngoại xâm, nhân dân ta bắt buộc phải đứng lên cầm vũ khí chiến đấu để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống yên vui của mọi người. Đó là điều bất đắc dĩ phải làm. Còn trong thường ngày, nhân dân ta luôn mong ước một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc. Trong điệu “chèo thuyền” của dân ca hát Dặm đã thể hiện được điều ấy. Múa có những động tác của tay, chân như người đang chèo thuyền. Lời hát có 7 điều mừng cũng là những ước mong giản dị mừng thành hoàng và bộ hạ, mừng vua và gia đình vua, mừng mưa thuận gió hòa, mừng mọi người được sang giàu, làm ruộng tốt lúa, trồng dâu nuôi tằm... Thí dụ :

*“Năm mừng vũ thuận phong điều (mưa thuận
gió hòa)*

An cư lạc nghiệp đế Nghiêu (là ô) thuận hòa

...

“Sáu mừng sướng thái bình ca

(21) Dầu Khám, chợ Cầu, Phất Lôi : các địa danh thuộc tỉnh Hà Bắc, bây giờ là tỉnh Bắc Ninh (BT).

Vua quan vạn tuế, xā ta (là ô) sang giàu

...

"Bảy mừng làng được sống lâu

Làm ruộng tốt lúa, hái dâu (là ô) chẵn tầm

Ở điệu "dâng hương" các ước mong của người lao động lại được thể hiện một cách cụ thể :

Dâng hương, dâng hương

Đã đến đại vương (tức thành hoàng)

Tống rầy tai ương

Thành (a) quần (thành đàn) nghê nga

Gà lợn đầy sân

Hát mừng tuổi chúa (bộ hạ của thần)

Muôn xuân, muôn xuân thọ (ơ) trường

Đức chúa mừng rày

Thọ, thái, khang, ninh

Tình yêu lứa đôi trai thanh gái lịch được diễn tả :

(Là) hỡi anh xinh cho nàng mới mến

Hỡi nàng xinh nàng mới quyến (ấy) được anh

(La hời la lết, la lết lê la, là lại hời la)

Mối quan hệ cư xử ăn ở giữa vợ chồng :

- *(Là) vợ chồng là đạo (ấy) nghĩa bền (ô hồ dạ
vậy, mới là lên trở về)*

Cùng nhau kết tóc nhân duyên đủ đời (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

- (Là) vợ chồng chớ ở lòng tây (lòng riêng) (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Thuận hòa đôi chữ đêm ngày (ấy) chẳng sai (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

- (Là) làm trai dạy vợ ấy cho hay (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Dạy thuở mới cưới liền tay mang về (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

(Là) trượng phu (là) trí (ấy) nam nhi (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Dục trị kỳ quốc tiên tề kỳ gia⁽²²⁾ (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Nếu lấy được vợ hiền hậu, khôn ngoan thì :

- (Là) có người nên tiếng nên danh (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Giàu sang về vợ, tiếng lành đồn xa (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

(Là) có người nên cửa, nên nhà (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

(22) Ý câu này là muốn trị được nước, trước hết phải thu xếp được nhà.

Tốt đẹp về vợ người ta tôn nhường (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Chẳng may gặp phải người vợ ghê gớm thì :

- Là trong nhà có vợ (ấy) chẳng hiền (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Bước ra khỏi cửa lòng phiền đình ninh (ô hồ dạ vậy, mới là lên trở về)

Khi người chồng ăn ở hai lòng thì trong gia đình luôn xảy ra lục đục, hạnh phúc bị tổn thất nặng nề. Ta hãy nghe một đoạn của hát Dặm :

- Là anh đã có vợ khi nay (khoan khoan ta xá hồ khoan)

Nào của bấy chày anh phá Giang Đông ⁽²³⁾ (hồ vậy, dô vậy, dô là)

(Là) sao anh chẳng chia tôi cùng (hồ vậy, dô vậy, dô là)

Nào vóc đại hồng, nào gấm thêu hoa (hồ vậy, dô vậy, dô là)

- (Là) anh hay một gái đường ngoài (hồ vậy, dô vậy, dô là)

Nào anh có nhớ đến tôi là gì (hồ vậy, dô vậy, dô là)

Chả nói ra kẻ (ấy) ngu si (hồ vậy, dô vậy, dô là)

(23) Giang Đông là một tỉnh của Trung Quốc

Nói ra kẻ thế (người đời) người chê, người cười
(hồ vậy, dô vậy, dô là)

Tình anh em ruột thịt cũng được đề cập đến :

"Anh em ai xót (thương xót) mây chau dạ phiền
(ô hồ dạ vậy mới là lên trở về)

(Là) tuy rằng ngành ngọn (ấy) dưới trên (ô hồ dạ
vậy mới là lên trở về)

Cùng thì một cội sinh nên trăm cành (ô hồ dạ vậy
mới là lên trở về)

(Là) em thì dốc đạo (ấy) thờ anh (ô hồ dạ vậy
mới là lên trở về)

Anh thì nghĩ nổi tâm tình (ấy) yêu em (ô hồ dạ
vậy mới là lên trở về)

4. Phong tục tập quán :

a) Hội hè đình đám :

Những lúc việc quân đã yên, việc nước đã ổn, trong
triều đình, ngoài các phủ đường, gặp ngày vui hội hè
đều có yến tiệc. Dưới đây là bài múa và hát chúc :

- Lâm sơn (rừng núi) đất thịnh tự nhiên

Sây thấy trời sinh có chúa ông (thần) a trị đời

Mặt Thuấn hây hây

Mây Nghiêu (à) lồ lộ

Rạng rày ra uy

Uy thiêng đẹp quý trừ tà
Bao nhiêu (ả) quý mị tống ra hải ngoài (ra biển)
- Bài ban, bài ban
Hành tiệc bách quan
Hàng phượng, hàng loan dập (σ) diu
(Ơ hời, ơ ỡi, ơ hời)

b) Tôn giáo

Đạo phật thời này rất thịnh :

- Vào chùa thụ (ăn) oản trở ra về

Gặp khách tình nhân

Lê quán, lên quán (quanh quán, quán quýt)

Hoa nở mùa xuân

Vừa ban Ngọ (ban trưa) (σ hời, ơ ỡi, ơ hời)

- Ren rén là rén tay nâng một nén hương

Cất lên lại thấp thọ đức đại vương

Đệ tử đi thi cho tôi làm lễ vinh quy rước
hời hương

Đạo Lão cùng song song thịnh vượng. Bài đốt sắc
bùa phù thủy cầu thần sau đây có nội dung phản ánh
công việc tầm tợ lúa mạ của nông dân :

Hóa sắc, hóa sắc

Đình nào đình này

Rước lấy 3 vị đức vua về hộ đày ⁽²⁴⁾

Bắc cực lôi đình ⁽²⁵⁾ *an tả hữu*

Trương dài bạch thạch án đông tây

(Là se là sát)

...

5. Vài nét về nghệ thuật hát Dặm :

Có người cho rằng hát Dặm là hát có dặm chân, nhưng không có hẳn là thế, vì có những điệu không dặm chân.

Dân ca hát Dặm có câu :

Chúng ta đi dặm hôm nay

Dặm thôi tiệc này làng nước sống lâu

Vậy hát Dặm là hát và múa để kỷ niệm sự tích của thần hoàng, cầu chúc cho nhân dân được sống lâu mạnh khỏe, trồng trọt và chăn nuôi tốt

Dân làng Quyển Sơn thường nói : đi dặm, hát dặm, xem dặm đều cùng một ý nghĩa ấy cả.

Có người hỏi : “Tại sao hát Dặm chỉ một làng Quyển Sơn có” ? Như đã dẫn theo truyền thuyết, Lý Thường Kiệt khi già về nghỉ ngơi ở Quyển Sơn mới

(24) Ba vị đức vua : Ba vị thần Quyển Sơn : Lý Thường Kiệt, Hoàng thái hậu, Hoàng công chúa.

(25) Bắc cực lôi đình, Trương dài bạch thạch : tên các vị thần

soạn ra hát Dặm cho dân làng hát để kỷ niệm những chiến công lẫy lừng của ông và các tướng sĩ trong những năm tháng vừa qua. Bởi vậy, nhiều nơi có thờ ông mà cũng không hát Dặm.

Còn “dặm”? Hay là “dậm”? Theo cách nói của dân Quyển Sơn thì ý nghĩa của hai từ này như nhau cũng như cày cấy với cầy cấy, dạy học với dầy học...

Về chủ đề các bài hát rất sát với công việc làm ăn, với ước mơ, tình cảm của người lao động, tâm tư của người chiến sĩ ngoài mặt trận...

Phần lời của bài hát có những câu dài ngắn không hạn định, nhưng có vần có điệu. Từ ngữ bình thường phần nhiều còn mộc mạc, đến những bài có thể mạnh, động tác mau thì dùng lối thơ 4 chữ có phá cách hoặc toàn tứ tuyệt, lời cũng rất mộc mạc. Ba bài ở cuối nói về sự tích Ngưu Lang - Chức Nữ có phần chải chuốt: “Tối (a) đất Hà Tây⁽²⁶⁾. Dem bức thư này về trình Ngưu Lang, (i hơi) Ngưu Lang (a) hơi Ngưu Lang. Từ đọc thấy thư, cất lên đặt xuống tương tư là tư khôn cầm”

Bài 1: Giáo vọng, mỗi hàng hát một câu như hát bài sự tích cái trống

Bài 2: Gióng vãn cũng như giáo đầu một bài hát

(26) Hà Tây : Phía tây của sông Ngân Hà.

Bài 3: Hát và múa vãn. Bài hát này là bài “Trù khi” hay “Trước khi” mà cô đầu vãn hát theo điệu “dịp ba cung bậc”. Đây có lẽ là bài hát ta có sẵn và hát Dặm lại ra điệu “Chiêm Thành âm”, có kèm theo điệu múa.

Xin nói về 2 điệu nữa hát thêm vào cuối bài hát Dặm : điệu bỏ bộ và điệu hát “kép”

Điệu hát bỏ bộ, do những động tác của tay chân người biểu diễn mà nhân dân gọi tên như vậy. Điệu này được làm ra sau những bài hát trên, vì rằng khi hát xong rồi, muốn hát thêm thì hát, không thì thôi. Điệu bỏ bộ, về múa thì duyên dáng, vui tươi ; về hát thì dằm thắm, du dương. Ví dụ câu : “Nếp mây dẻo lắm” và “Ru con khỏi khóc” được hát ra là : “Nếp là nếp, nếp mây ; nếp là nếp, nếp mây (Tinh ì à) dẻo lắm, ta bố ru hời, ta ru hời, dẻo lắm, nếp mây là nếp mây.

Ru là ru, ru con, ru là ru, ru con (tinh ì à) khỏi khóc, ta bố ru hời, ta ru hời khỏi khóc ru con là ru con.

Điệu hát kép có con trai vào hát trao đổi tình yêu với con gái, vận ra mà hát như hát đúm. Bởi có con trai vào hát mới gọi là hát kép.

Điệu hát nói cô đầu cũng hát ra điệu hát kép được như hai bài ca trù đôi khổ tả phong cảnh làng Quyển Sơn. Hai bài này được soạn ra cách đây trên dưới 100 năm. Tác giả là ông đồ dạy học ông Cụ Càng, tức Kiên ở Quyển Sơn.

Điều đáng chú ý trong dân ca hát Dặm dã dùng lối nói cường điệu, như :

Hóa sắc, hóa sắc

Quý ơi là quý

Mày rái (nể, sợ) ông chằng.

Chân ông dài 8 thước

Ông bước qua sông

Đầu ông đầu đá

Má ông má sành

Nanh ông nanh sắt

Mắt ông hào quang

Hổ lang lánh mũi

Miệng nói trề tà

Đẹp quý, quý ra

Đẹp ma, ma chạy...

Thình thoảng có chỗ dùng vần lưng (yêu vận) và chịu ảnh hưởng của ca dao, ngôn ngữ của ta và của Trung Quốc như câu “Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về” thành :

Làm trai dạy vợ cho hay

Dạy thuở mới cưới liền tay mang về

Câu “Tiên tề gia, hậu trị quốc” (trước răn bảo trong nhà, sau mới trị nước) thành :

Là trượng phu, là chí (ấy) nam nhi

Dục trị kỳ quốc, tiên tề (ấy) kỳ gia

Câu “Người ba dẳng, của ba loài” thành câu pha lẫn Nho và Nôm (lối này thời trước hay dùng) :

Chữ rằng : vật hữu tham thân

Nhân hữu tam dẳng lời răn thánh hiền

KẾT LUẬN

Vấn đề nghiên cứu hát Dặm Quyển Sơn đã được một số người, một số cơ quan có trách nhiệm quan tâm, nhưng việc nghiên cứu này không được liên tục và triệt để. Hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, Ty Văn hóa Hà Nam và hồi hòa bình được lập lại (1954), Bộ Văn hóa có cử cán bộ về địa phương dựa theo mấy điệu hát Dặm, soạn ra được 5 - 6 bài ca kháng chiến, nhưng chưa được phổ biến rộng rãi. Năm 1957, Vụ nghệ thuật quần chúng (Bộ Văn hóa) cử cán bộ về nghiên cứu, nhưng nặng về phần nhạc, phần lời ca còn nhầm lẫn nhiều. Sau đó Bộ Văn hóa có quay phim, thu thanh dân ca hát Dặm, nhưng lấy toàn các cụ bà từ 60 - 70 tuổi lên Hà Nội biểu diễn. Như vậy cái không khí của buổi hát và cái hay, cái đẹp, cái duyên dáng của người hát múa chắc bị giảm sút đi nhiều. Bởi vì tục lệ hát Dặm, trừ bà trùm ra, còn lấy toàn con gái tân (chưa chồng) vào biểu diễn. Có lẽ “thầy già, con hát trẻ” là thế.

Hiện nay (1975) dân ca hát Dặm Quyển Sơn đang sống trong tình trạng thoi thóp. Ngoài cụ trùm Nguyễn Thị Bồ ra, ít ai quan tâm đến nó cả⁽²⁷⁾. Cứ đến tháng giêng, hai mỗi năm, cụ tự động rủ các cháu chắt gái ở trong làng, họ, xóm giềng, tuổi từ 10 - 15, 16 được khoảng 15 cô, rồi cùng nhau lên đền thờ thành hoàng, dưới chân núi Cấm để dạy múa, dạy hát Dặm.

Dân ca hát Dặm Quyển Sơn đã được nói nhiều trong sử sách và một số tài liệu nghiên cứu ở địa phương Nam Hà và ở Trung ương. Chúng tôi đã tiến hành công trình nghiên cứu này một cách nghiêm túc trong nhiều năm qua. Vừa qua, trên Tạp chí Văn học số 4-1974, chúng tôi đã phát biểu một số ý kiến về những nhầm lẫn trong việc sưu tầm, nghiên cứu hát Dặm. Thiết tưởng công việc to lớn này của chúng tôi rất cần được sự giúp đỡ ủng hộ và tài trợ của nhiều người, nhiều cơ quan giàu tâm huyết với vốn văn hóa giân gian có giá trị ấy.

Nghiên cứu hát Dặm Quyển Sơn, tước bỏ những hạn chế tư tưởng phong kiến duy tâm, mê tín... ra, chúng ta vẫn tiếp thu, học tập được những phần tinh túy tốt đẹp về nội dung, hình thức và giá trị thẩm mỹ của nó, như đã phân tích ở trên. Theo chúng tôi, những giá trị tinh hoa ấy vẫn có thể phục vụ được cuộc sống hôm nay, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng một nền văn hóa

(27) Cụ trùm Nguyễn Thị Bồ đã mất năm 1981 (tho 92 tuổi). Sau đó đến bà cụ Èo làm trùm 8 năm và mất năm 1989. Bà Trịnh Thị Dăm tiếp tục đảm đương nhiệm vụ đó từ năm 1990 đến nay (BT).

XHCN của Việt Nam mang đậm đà bản sắc dân tộc và tính nhân dân sâu sắc. Rất mong các nhà nghiên cứu và đồng bào địa phương cùng tất cả những ai quan tâm đến loại hình Dân ca hát Dặm độc đáo ấy, góp ý kiến, giúp đỡ chúng tôi hoàn chỉnh công trình nghiên cứu bước đầu này.

Quyển Sơn, ngày đại thắng của dân tộc
30-4-1975

TRỌNG VĂN

PHẦN THỨ BA
NHỮNG BÀI DÂN CA
HÁT DẶM HÀ NAM

Ghi chú :

- Những đề mục do nhân dân Quyển Sơn tự đặt, viết chữ in hoa ví dụ : TRẦN NGŨ PHƯƠNG, ĐẨY XE, PHONG PHÁO...

- Những động tác múa, cách hát đặt trong dấu móc.
Ví dụ [con gái hát đứng thành hai hàng]

- Những tiếng đưa hơi, tiếng đệm loại chú thích nhỏ đặt trong dấu ngoặc

Ví dụ : (ơ), (hỏi dả), (lê là lê lết, lê lết lê la...)



TRẤN NGŨ PHƯƠNG (1)

[Con gái hát đứng thành 2 hàng ngoảnh mặt vào nhau, lớn đứng trên, bé đứng dưới, bà trùm đứng mình một hàng ở giữa, trông lên bàn thờ, gõ xênh dịp thưa.]

(Hối dâ) *Đông phương là giáp ất mộc (ơ)* (2)

Chúng tôi thưa vậy bồng lộc nhiều thay

Chúng tôi thưa vậy bồng lộc nhiều thay

(Hối dâ) *Tây phương là canh tân kim (ơ)* (3)

Chúng tôi thưa vậy chơi châm, chơi xạ

Chúng tôi thưa vậy chơi châm, chơi xạ

(Hối hâ) *Nam phương là bính đinh hỏa (ơ)* (4)

Chúng tôi thưa vậy lúa mạ tầm tơ

Chúng tôi thưa vậy lúa mạ tầm tơ

(Hối dâ) *Bắc phương là nhâm quý thủy (ơ)* (5)

(1) Năm câu đầu dưới đây là TRẤN NGŨ PHƯƠNG của phù thủy trấn ma quý, không cho vào nhà (trấn trạch). Cách dùng chữ là lấy thập can (10 can : giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý) và ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) trong sách Lục thư của Đại Vũ, đời nhà Hạ (Trung Quốc). Cách đặt câu rất ăn nhịp.

(2) Mộc là cây, mùa xuân sinh khí cho nên có nhiều lộc.

(3) Kim là loại kim thuộc phương tây có nhiều sắt khí, thường dùng làm hình phạt chơi châm : giết ; chơi xạ : bắn.

(4) Hỏa là lửa, rực rỡ thịnh vượng, cho nên câu đặt : lúa mạ tầm tơ

(5) Thủy là nước, nước mát, cho nên thịnh Lúa thủy (lúa nước), lúa hương (lúa tám thơm).

Chúng tôi thừa vậy lúa thủy lúa hương
Chúng tôi thừa vậy lúa thủy lúa hương
(Hồi dã) Trung phương là mậu kỳ thổ (σ) ⁽⁶⁾

Chúng tôi thừa vậy quốc tộ bình thì

Chúng tôi thừa vậy quốc tộ bình thì

Tôi mời ngũ phương thần kỳ (σ)

(Là) tôi mời 3 vị nhà vua ⁽⁷⁾

(Là) nhà vua tôi (σ) là dã mời

Tôi mời báỉ dạ rồi (σ)

Hồi (σ) hết kẻ ở làng ta (σ) ⁽⁸⁾

Nguyện chúa tóc bạc bằng hoa

(Lê là lê lét, lét la là lên)

(Hồi dã) Tôi bước chân vào hồ vào

Lấy ai làm chúa (σ)

(Là) tôi mời đức vua đất (σ) này

Về hộ làng ta đây (σ)

Bình yên là khang thái (mạnh khỏe, thịnh vượng)

(6) Thổ là đất, Sắc vàng thịnh về nhà vua (hoàng đế cư trung phương) nhà vua ở phương giữa, cho nên chúc ngôi vua bình thì an trị.

(7) Ba vị nhà vua : 3 vị thần (Lý đại vương, Hoàng thái hậu, Hoàng công chúa).

(8) Hết kẻ cả làng ta : hết tất cả người làng ta.

(Là) đánh rē tà ma
 (Là) tống (σ) rãy (σ) tai ương
 (Là) đi (σ) lòng người
 (Hồi dã) Tôi mời nẻo xa mà đến (σ)
 Tôi mời đã đến thời lên (σ)
 Cờ (σ) quạt tôi cầm (mà) đôi bên
 Rước nhà vua lên (là) tôi mới (mà) vắng lời
 (Hồi dã) Cần miêu⁽⁹⁾ là cần miêu vừa xanh vừa tốt (σ)
 Có (σ) một giánh lá sửa rày
 Vòng tròn dải lụa dày thua
 Đậu miêu bay phơi phơi mấy (σ)
 (Là) xem lạ nhường
 Vòng tròn có lữ trên không (?)
 Đầu miêu phải bay thiên thời yến hải⁽¹⁰⁾
 Về hộ làng ta đây
 Chẳng hay là miêu này còn tay ai (σ)
 (Hồi dã) Cần miêu là cần miêu chúc (?)
 Đi lên nẻo núi chặt soan
 Về làm nên cửa nên nhà cho yên

(9) Cần miêu : một giống lúa.

(10) Yến hải : có lẽ lấy ở câu : “hải yến hà thành” (bể lặng sông trong), ý nói thời buổi thái bình.

(Hồi dâ) - *Cần miêu là xá dậm (?) cần miêu*

Chữ rằng : chẳng hết bao nhiêu (lê là lê lết)

(Là) thấy miêu (σ) thời mừng (lê là lê lết)

[Cả hai hàng con gái cùng vỗ tay một cái]

(Là) thấy miêu (là) thời mừng [cùng vỗ tay một cái]

(Hồi dâ) *Cất nhà là giương cột (σ) (dụng cột)*

Cất nhà là giương cột (σ)

(Là) hóa (σ) tốt vui thay

Vào (σ) là cửa điện

Cửa ngọc chín then ⁽¹¹⁾

(Là) một tay (σ) thiếp cài

Cửa ngọc chín then

(Là) một tay (σ) thiếp cài

Vân lên 9 lá khá thay

Ba ngày đến thành

Thợ nào khéo sẽ

Xem mặt đặt tên

Mè, rui, dòn tay

Rồng vàng là ấp cột (σ)

(11) Cửa ngọc chín then : lấy ở chữ “cửu trùng” (cung nhà vua có 9 then).

Rồng vàng là ấp cột (σ)

(Lá) bén tốt vui thay

Nàng Ba thăm thay

Vào (σ) cửa điện

Cửa ngọc 9 then

(Là) một tay (σ) thiệp cài

(Hỡi dâ) Từ ngày dựng làm gia thất (σ)

Lên xem nẻo núi (là hỡi) chặt soan (σ)

(Là) về làm nên cửa nên nhà cho yên

(Là) mới (σ) mượn chúng ta (σ) đóng bùa

Là hỡi anh xinh cho nàng mới mển [Mỗi người hát
tự quay một vòng, hai tay xen vào nhau]

Hỡi nàng xinh nàng mới quyến được anh

(Là hỡi la lết, la lết lê la, là lại hỡi la)

[Hai tay múa ngang nách rồi vỗ tay]

Mẹ thời ở nhà

Giữ ruộng (mà) liền nương

Cha hời cha thời chinh tấu

(Ấy) cùng tai ương là chẳng có nề

(Là hỡi la lết, la lết lê la, la lại hỡi la) [Mỗi người
tự quay một vòng múa như trên rồi vỗ tay]

Mẹ thời đến tháng nặng nề

Cha hời cha đã về còn có mà đôi tôi

(Là hồi la lét, la lét lê la, là lại hồi la) [Múa như trên và vỗ tay]

(Hồi dả) Tháng giêng đầu năm

Tháng ba lấy giống (σ) mua (σ) giống gọi cả nàng bay

(Là) tầm vàng, tầm trắng tốt thay

Đường là đường lên lối lại liền no (?)

Ngày chẳng bấy thời ba (σ)

Nhuộc bằng trứng xám mới nở ra (là) con tầm

(Là) dao sắc tốt để dâu non (σ) hòa dùng

Cất vào buồng trong tối tầm

Dù (là) nhiều ít là xá xăm (chớ nên) σ để ngoài

Ăn một thời đến (mà) ăn hai

Ăn (σ) ba đồng để (là) dâu gai (σ) còn thừa

Mười nong là ăn một (σ)

Mười nong là ăn một (σ)

(Là) tốt (σ) nở như hoa (tầm nở đều như hoa)

Ả rồi (?) nàng Ba (?) là ra (σ) là mừng tầm

Tầm nằm đêm qua đã dậy (σ)

(Là) hái dâu để tối cho ăn

(Là) để (σ) ruộng đông tây thái hòa (lê là lê lét)

Thiếu dâu là đi hái (σ)

Thiếu dâu là đi hái (σ)